TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **83**/2026/QĐST-HNGĐ

Lào Cai, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 196/2026/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Chị **Trương Thị V**, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Thôn D, xã K, tỉnh Lào Cai. Căn cước công dân số: 015303008296.

- Anh **Lý Văn T**, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn D, xã K, tỉnh Lào Cai. Căn cước công dân số: 015202006151.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trương Thị V** và anh **Lý Văn T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị V và anh Lý Văn T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Trương Thị V và anh Lý Văn T có 01 con chung là Trương Thị Tuyết N, sinh ngày 28-10-2020. Ly hôn, chị Trương Thị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Lý Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về án phí: Chị Trương Thị V nhận chịu cả án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0002049 ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Trương Thị V được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Chị V đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Lào Cai;
- UBND xã Khánh Hoà, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đỗ Quỳnh